

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/ DS-ST

Ngày: 26/6/2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

“*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thạch

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thông Thái

2. Ông Phạm Hồng Sơn

Thư ký phiên tòa: ông Văn Hồng Lễ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Bích Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 256/2024/TLST-DS ngày 25/11/2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXX ngày 04/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2025/QĐST-DS ngày 19/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** bà **Hồ Thị L** - sinh năm 1973

Địa chỉ: quốc lộ 1A, ngã tư Liên Hương, thuộc xóm 4, xã Phú Lạc, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- **Bị đơn:** bà **Nguyễn Thị Thúy H** - sinh năm 1981

Địa chỉ: quốc lộ 1A, thôn Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Tân, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

(Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 02/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị L trình bày:

Bà và bà Nguyễn Thị Thúy H có hợp tác với nhau làm ăn mua bán lúa, từ năm 2019 đến trước ngày 20/4/2024. Bà H là người trực tiếp thu mua lúa của nông dân tại địa bàn xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Tân để bán lại cho bà theo giá thị trường

tại thời điểm thu hoạch của từng vụ mùa và tiến hành chốt sổ sau khi kết thúc thu hoạch lúa.

Trong thời gian làm ăn mua bán, bà có đầu tư vốn cho bà H để làm vốn buôn bán, hai bên có thỏa thuận lãi suất 3% tháng. Tổng số tiền bà H vay của bà nhiều lần tính đến ngày 11/01/2024 hai bên đã đối chiếu chốt nợ là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Ngoài ra bà H còn nợ tiền mua lúa giống của bà là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng).

Tại tòa hôm nay, bà yêu cầu bà H phải có trách nhiệm trả cho bà toàn bộ số nợ, cụ thể như sau:

- Tiền vay gốc khi chốt nợ là 200.000.000 đồng (chốt nợ 11/01/2024)
- Tiền lãi phát sinh tính từ ngày chốt nợ (11/01/2024) theo lãi suất quy định của pháp luật, theo lãi suất 20% năm là 56.660.000 đồng.
- Tiền nợ mua lúa giống là 1.200.000 đồng.

Tổng cộng là: 257.860.000 đồng (Hai trăm năm mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng), ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

*** Bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày:**

Từ năm nào bà không nhớ rõ bà có vay tiền của bà Hồ Thị L là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) hai bên có thỏa thuận lãi suất 3% tháng. Đến khi chốt nợ vào ngày 11/01/2024, bà xác nhận còn nợ tiền gốc của bà L là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Ngoài ra bà có nợ tiền mua lúa giống của bà L là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng).

Tổng số nợ là 201.200.000 đồng (Hai trăm lẻ một triệu hai trăm ngàn đồng).

Tại tòa hôm nay, bà L yêu cầu tính lãi 20% năm của số nợ gốc từ khi chốt nợ cho đến nay. Bà không chấp nhận, ngoài ra tôi không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị L đối với bà Nguyễn Thị Thúy H, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H phải hoàn trả tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi số tiền 56.780.000 đồng và tiền nợ mua lúa giống 1.200.000 đồng cho bà Hồ Thị L.

- Về án phí: bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy H phải có trách nhiệm trả cho bà toàn bộ số nợ 257.860.000 đồng, trong đó nợ vay là 200.000.000 đồng (chốt nợ ngày 11/01/2024), lãi phát sinh theo quy định của pháp luật, theo lãi suất 20% năm là 56.660.000 đồng và nợ mua lúa giống là 1.200.000 đồng, ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nơi cư trú, lời khai nhận của bị đơn, chứng tỏ rằng đây là vụ kiện “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, được quy định tại Điều 463, Điều 430 Bộ luật dân sự và điều chỉnh tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T - tỉnh Bình Thuận.

[2] Về nội dung vụ kiện và chứng cứ chứng minh:

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Hồ thị L khai nại rằng, bà và bà Nguyễn Thị Thúy H có hợp tác với nhau làm ăn mua bán lúa, từ năm 2019 đến trước ngày 20/4/2024. Bà H là người trực tiếp thu mua lúa của nông dân tại địa bàn xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Tân để bán lại cho bà theo giá thị trường tại thời điểm thu hoạch của từng vụ mùa và tiến hành chốt sổ sau khi kết thúc thu hoạch lúa. Trong thời gian làm ăn mua bán, bà có đầu tư vốn cho bà H để làm vốn buôn bán, hai bên có thỏa thuận lãi suất 3% tháng. Tổng số tiền bà H vay của bà nhiều lần tính đến ngày 11/01/2024 hai bên đã đối chiếu chốt nợ là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Ngoài ra bà H còn nợ tiền mua lúa giống của bà là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Thúy H thừa nhận trong thời gian làm ăn mua bán lúa, bà L có đầu tư vốn cho bà bằng hình thức vay có lãi 3% tháng, bà xác nhận còn nợ tiền vay của bà Hồ Thị L là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) hai bên có chốt nợ vào ngày 11/01/2024, ngoài ra bà còn có nợ tiền mua lúa giống của bà L là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng). Tổng số nợ là 201.200.000 đồng (Hai trăm lẻ một triệu hai trăm ngàn đồng).

Tại tòa hôm nay, bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà L, bà yêu cầu bà L phải cản trừ nợ cho cô của bà (theo bà H cho rằng bà L có nợ tiền của cô của bà).

Tại phiên tòa hôm nay, bà Hồ Thị L không chấp nhận yêu cầu cản trừ nợ của bà H.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Thúy H không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà L và yêu cầu Hội đồng xét xử, xử theo quy định của pháp luật.

Xét các yêu cầu của bà Hồ Thị L đối với bà Nguyễn Thị Thúy H:

1. Tại phiên tòa hôm nay, bà L yêu cầu bà H phải trả cho bà số nợ vay là 200.000.000 đồng (chốt nợ ngày 11/01/2024), sự kiện này trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà H thừa nhận, nên bà L không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Tại phiên tòa hôm nay, bà L yêu cầu bà H phải trả cho bà số nợ mua lúa giống là 1.200.000 đồng, sự kiện này trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà H thừa nhận, nên bà L không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Tại phiên tòa hôm nay, bà L yêu cầu bà H phải trả cho bà tiền lãi phát sinh của số tiền vay gốc 200.000.000 đồng, tính từ ngày chốt nợ 11/01/2024 theo lãi suất 1,67% tháng, tính tròn 17 tháng là 56.780.000 đồng ($200.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\% \times 17 \text{ tháng} = 56.780.000 \text{ đồng}$), yêu cầu này là có cơ sở phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về lãi suất:

“1. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất thỏa thuận không vượt quá 20% /năm của khoản tiền vay....”

Do đó toàn bộ yêu cầu của bà Hồ Thị L đối với bà Nguyễn Thị Thúy H là có căn cứ pháp luật, nên được chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận, nên bà H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Đối với lời phát biểu, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở như đã phân tích trên, nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị L đối với bà Nguyễn Thị Thúy H, về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* và *“Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”*.

2.1. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hồ Thị L toàn bộ số nợ vay là **256.780.000 đồng** (Hai trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng) (trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng; nợ lãi là 56.780.000 đồng)

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các

bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hồ Thị L toàn bộ số nợ mua bán là **1.200.000 đồng** (Một triệu hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, bà H phải có trách nhiệm trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Thúy H phải nộp 12.839.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm ba mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Tranh chấp hợp đồng vay tài sản) và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản).

- Hoàn trả cho bà Hồ Thị L 3.025.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0007224 ngày 22/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho họ biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/6/2025).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thông Thái

Phạm Hồng Sơn

Nguyễn Văn Thạch